

Số: 404 /QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 09 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp chứng chỉ năng lực tiếng Trung Quốc CPT-TDMU
cho sinh viên bậc đại học sau khi hoàn thành 6 học phần
Tiếng Trung Quốc không chuyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 1771/QĐ-ĐHTDM ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc phê duyệt và ban hành Chương trình đào tạo ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc và tiếng Pháp) không chuyên dùng cho sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr ngày 02/07/2019 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Xét Tờ trình số 02/TTr-TTNN ngày 01/02/2021 của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc công nhận và cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ cho sinh viên bậc đại học sau khi hoàn thành 6 học phần ngoại ngữ không chuyên do Trung tâm Ngoại ngữ thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp chứng chỉ năng lực tiếng Trung Quốc CPT-TDMU cho 75 sinh viên bậc đại học (danh sách kèm theo) sau khi hoàn thành 6 học phần Tiếng Trung Quốc không chuyên do Trung tâm Ngoại ngữ thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức đào tạo.

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ, các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Nơi nhận:

- HT, các PHT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐTĐH, TTNN.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Sinh viên được công nhận và cấp chứng chỉ năng lực Tiếng Trung Quốc CPT-TDMU sau khi hoàn thành 6 học phần Tiếng Trung Quốc không chuyên
(Kèm theo Quyết định số: 404 /QĐ-ĐHTDM ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Stt	MSSV	Họ Tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Mã lớp	Ngôn ngữ	Điểm môn				Điểm TB	KHUNG NLNNVN	CEFR	Ghi chú
									Nghe	Đọc	Viết	Nói				
1	1722202010003	Huỳnh Thị Minh	Anh	14/01/1999	Ninh Thuận	Nữ	D17AVKD01	Tiếng Trung Quốc	84	84	67	83	79	Bậc 3	B1	
2	1722202010034	Phạm Ngọc	Châu	31/05/1999	TP.HCM	Nữ	D17AVKD01	Tiếng Trung Quốc	94	93	79	83	87	Bậc 3	B1	
3	1721402020006	Nguyễn Thị Kim	Chi	18/09/1999	Hà Nam	Nữ	D17TH01	Tiếng Trung Quốc	78	77	68	73	74	Bậc 3	B1	
4	1721402170013	Đỗ Thị Thu	Hằng	24/09/1999	Bình Phước	Nữ	D17NV01	Tiếng Trung Quốc	81	88	79	63	78	Bậc 3	B1	
5	1725106010022	Nguyễn Thị Diệu	Hạnh	03/07/1999	Kiên Giang	Nữ	D17QC01	Tiếng Trung Quốc	75	80	63	64	71	Bậc 3	B1	
6	1722202010096	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	15/11/1999	Gia Lai	Nữ	D17AVKD01	Tiếng Trung Quốc	88	92	83	83	86	Bậc 3	B1	
7	1722202010098	Tổng Từ Mỹ	Hiền	02/11/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD01	Tiếng Trung Quốc	80	84	75	75	78	Bậc 3	B1	
8	1723801010136	Lê Nguyễn Yến	Hoàng	16/04/1999	Bình Dương	Nữ	D17LUTP01	Tiếng Trung Quốc	70	72	50	59	63	Bậc 3	B1	
9	1722202010105	Trần Thị Mai	Hồng	31/05/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD02	Tiếng Trung Quốc	78	83	73	62	74	Bậc 3	B1	
10	1722202010106	Lê Thị Bích	Hợp	17/12/1999	Phú Yên	Nữ	D17AVKD02	Tiếng Trung Quốc	83	86	72	65	77	Bậc 3	B1	
11	1722202010127	Nguyễn Thu	Hương	24/10/1999	Bắc Ninh	Nữ	D17AVGD02	Tiếng Trung Quốc	75	77	67	64	71	Bậc 3	B1	
12	1722202010115	Đặng Thị Ngọc	Huyền	15/03/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD02	Tiếng Trung Quốc	89	88	87	87	88	Bậc 3	B1	
13	1722202010144	Dương Thanh	Lành	09/04/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD02	Tiếng Trung Quốc	88	86	65	65	76	Bậc 3	B1	
14	1722202010148	Mang Thị	Lệ	14/02/1998	Ninh Thuận	Nữ	D17AVKD02	Tiếng Trung Quốc	78	87	78	74	79	Bậc 3	B1	
15	1722202010154	Dương Diệp Gia	Linh	19/02/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD02	Tiếng Trung Quốc	87	86	80	83	84	Bậc 3	B1	
16	1722202010158	Lê Hoàng	Linh	03/08/1999	Bình Dương	Nam	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	81	80	55	72	72	Bậc 3	B1	
17	1722202010162	Ngô Thị Thùy	Linh	27/07/1999	Đắk Lắk	Nữ	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	78	76	57	72	71	Bậc 3	B1	
18	1722202010173	Trương Diễm	Linh	18/07/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	76	80	62	77	74	Bậc 3	B1	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Mã lớp	Ngôn ngữ	Điểm môn				Điểm TB	KHUNG NLNNVN	CEFR	Ghi chú
									Nghe	Đọc	Viết	Nói				
19	1722202010178	Võ	Long	20/11/1999	Bình Dương	Nam	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	83	70	67	73	73	Bậc 3	B1	
20	1723102050152	Lâm Thanh	Mai	18/03/1999	Bình Dương	Nữ	D17QN03	Tiếng Trung Quốc	78	77	47	66	67	Bậc 3	B1	
21	1722202010187	Nguyễn Lê Huệ	Mẫn	30/08/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	85	81	66	67	75	Bậc 3	B1	
22	1722202010188	Trần Thị	Mến	13/08/1999	Đắk Lắk	Nữ	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	89	87	75	86	84	Bậc 3	B1	
23	1722202010199	Phan Quốc	Nam	14/08/1999	Bình Dương	Nam	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	82	84	67	74	77	Bậc 3	B1	
24	1722202010200	Trần Hoàng	Nam	21/05/1999	Bình Dương	Nam	D17AVGD02	Tiếng Trung Quốc	79	82	72	81	79	Bậc 3	B1	
25	1724601010046	Phan Thị Thu	Nga	10/02/1999	Bình Dương	Nữ	D17TOUD01	Tiếng Trung Quốc	81	81	73	76	78	Bậc 3	B1	
26	1722202010432	Nguyễn Kim	Ngân	03/03/1999	TP.HCM	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	88	88	74	73	81	Bậc 3	B1	
27	1722202010217	Bùi Thị Bích	Ngọc	11/09/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD02	Tiếng Trung Quốc	90	93	89	85	89	Bậc 3	B1	
28	1722202010226	Văn Thu	Nguyệt	26/10/1999	TP.HCM	Nữ	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	92	90	87	88	89	Bậc 3	B1	
29	1722202010235	Nguyễn Yên	Nhi	31/07/1999	Củ Chi	Nữ	D17AVGD02	Tiếng Trung Quốc	83	86	78	66	78	Bậc 3	B1	
30	1722202010236	Phạm Thị Phương	Nhi	23/11/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD02	Tiếng Trung Quốc	84	88	77	74	81	Bậc 3	B1	
31	1722202010237	Từ Thị Ngọc	Nhi	16/07/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	83	83	63	60	72	Bậc 3	B1	
32	1722202010244	Bùi Quỳnh	Như	29/10/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD02	Tiếng Trung Quốc	77	79	64	56	69	Bậc 3	B1	
33	1723403010184	Lê Quỳnh	Như	16/10/1999	Bình Dương	Nữ	D17KT04	Tiếng Trung Quốc	84	84	66	65	74	Bậc 3	B1	
34	1722202010246	Nguyễn Mai	Như	25/09/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD03	Tiếng Trung Quốc	74	75	63	59	68	Bậc 3	B1	
35	1722202010248	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	28/07/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD03	Tiếng Trung Quốc	85	92	85	78	85	Bậc 3	B1	
36	1722202010247	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	10/12/1999	TP.HCM	Nữ	D17AVGD03	Tiếng Trung Quốc	85	89	79	80	84	Bậc 3	B1	
37	1722202010250	Nguyễn Trang Quỳnh	Như	08/09/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	87	90	80	81	85	Bậc 3	B1	
38	1723403010176	Hoàng Thị	Nhung	06/12/1999	Hà Tĩnh	Nữ	D17KT04	Tiếng Trung Quốc	80	84	73	71	77	Bậc 3	B1	
39	1722202010257	Huỳnh Thị Kim	Phi	06/08/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD03	Tiếng Trung Quốc	79	78	69	78	76	Bậc 3	B1	
40	1722202010261	Trần Hồng	Phúc	22/03/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	89	82	64	75	78	Bậc 3	B1	
41	1722202010263	Nguyễn Kim	Phụng	10/03/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD03	Tiếng Trung Quốc	89	88	71	78	81	Bậc 3	B1	
42	1722202010268	Nguyễn Mai	Phương	20/03/1999	Bình Phước	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	90	90	78	86	86	Bậc 3	B1	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Mã lớp	Ngôn ngữ	Điểm môn				Điểm TB	KHUNG NLNNVN	CEFR	Ghi chú
									Nghe	Đọc	Viết	Nói				
43	1721402010064	Hoàng Thị	Phượng	22/04/1999	Hưng Yên	Nữ	D17MN02	Tiếng Trung Quốc	90	90	88	88	89	Bậc 3	B1	
44	1722202010274	Nguyễn Thị Thu	Phượng	28/05/1999	Bình Định	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	81	84	75	66	77	Bậc 3	B1	
45	1722202010290	Mai Thị Giang	Sương	07/02/1999	Quảng Nam	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	87	85	69	80	80	Bậc 3	B1	
46	1722202010294	Bùi Thị Hồng	Tâm	02/01/1999	Bình Định	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	94	92	91	91	92	Bậc 4	B2	
47	1722202010298	Phan Nữ Diệu	Tâm	26/12/1999	Lâm Đồng	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	86	88	68	82	81	Bậc 3	B1	
48	1722202010321	Nguyễn Phương	Thanh	15/01/1998	Bình Dương	Nữ	D17AVGD03	Tiếng Trung Quốc	75	86	76	72	77	Bậc 3	B1	
49	1722202010429	Trương Thị	Thanh	10/04/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	79	75	64	70	72	Bậc 3	B1	
50	1722202010325	Cao Thanh	Thảo	26/02/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	82	87	70	68	77	Bậc 3	B1	
51	1723402010145	Nguyễn Thị Minh	Thảo	17/08/1999	Bình Dương	Nữ	D17TC03	Tiếng Trung Quốc	77	84	60	70	73	Bậc 3	B1	
52	1722202010333	Âu Thị	Thiên	10/01/1999	Ninh Thuận	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	79	79	66	71	74	Bậc 3	B1	
53	1724601010083	Nguyễn Thị Diễm	Thu	26/03/1999	Đồng Tháp	Nữ	D17TOUD01	Tiếng Trung Quốc	78	86	61	63	72	Bậc 3	B1	
54	1723401010236	Lương Hoàng	Thuận	28/04/1999	Bình Dương	Nam	D17QT05	Tiếng Trung Quốc	82	89	76	83	83	Bậc 3	B1	
55	1722202010341	Nguyễn Thị	Thuận	25/11/1999	Bình Phước	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	85	93	82	82	85	Bậc 3	B1	
56	1722202010352	Nguyễn Việt Liên	Thương	10/08/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD03	Tiếng Trung Quốc	74	87	73	67	75	Bậc 3	B1	
57	1722202010355	Phan Thị Kim	Thy	12/05/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	85	89	68	77	80	Bậc 3	B1	
58	1722202010356	Trần Thị	Trà	20/02/1997	Hà Tĩnh	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	87	82	77	81	82	Bậc 3	B1	
59	1723102050309	Nguyễn Mai	Trâm	21/02/1999	Bình Dương	Nữ	D17QN04	Tiếng Trung Quốc	77	80	63	69	72	Bậc 3	B1	
60	1722202010427	Bùi Thị Phương	Trinh	17/05/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD03	Tiếng Trung Quốc	80	90	82	81	83	Bậc 3	B1	
61	1722202010383	Nguyễn Ngọc Thiên	Trúc	12/04/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD01	Tiếng Trung Quốc	83	89	83	81	84	Bậc 3	B1	
62	1722202010311	Lê Thị Cẩm	Tú	27/07/1999	Hà Tĩnh	Nữ	D17AVGD03	Tiếng Trung Quốc	83	88	87	87	86	Bậc 3	B1	
63	1722202010314	Lê Thị Thanh	Tuyền	11/11/1999	Đồng Nai	Nữ	D17AVKD04	Tiếng Trung Quốc	77	84	56	59	69	Bậc 3	B1	
64	1722202010316	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	18/09/1999	An Giang	Nữ	D17AVGD03	Tiếng Trung Quốc	74	82	57	61	69	Bậc 3	B1	
65	1722202010317	Nguyễn Thị Xuân	Tuyền	01/12/1999	Đồng Nai	Nữ	D17AVKD02	Tiếng Trung Quốc	85	88	77	77	81	Bậc 3	B1	
66	1722202010389	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	20/09/1999	Đắk Lắk	Nữ	D17AVKD02	Tiếng Trung Quốc	80	84	71	61	74	Bậc 3	B1	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Mã lớp	Ngôn ngữ	Điểm môn				Điểm TB	KHUNG NLNNVN	CEFR	Ghi chú
									Nghe	Đọc	Viết	Nói				
67	1722202010392	Đặng Thị Tường	Vân	17/01/1999	Bến Tre	Nữ	D17AVKD02	Tiếng Trung Quốc	87	89	76	88	85	Bậc 3	B1	
68	1724403010051	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	01/11/1999	Bình Dương	Nữ	D17MTSK01	Tiếng Trung Quốc	76	92	87	76	83	Bậc 3	B1	
69	1722202010396	Đinh Hạ	Vy	24/06/1999	Bình Thuận	Nữ	D17AVKD02	Tiếng Trung Quốc	85	84	76	80	82	Bậc 3	B1	
70	1722202010402	Nguyễn Hoàng Ánh	Xuân	20/10/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD02	Tiếng Trung Quốc	78	89	80	59	76	Bậc 3	B1	
71	1722202010403	Nguyễn Ngọc Yến	Xuân	11/05/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVGD02	Tiếng Trung Quốc	80	85	66	72	76	Bậc 3	B1	
72	1722202010410	Nguyễn Thị Hồng	Yến	24/10/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	88	85	67	78	80	Bậc 3	B1	
73	1722202010411	Nguyễn Thị Kim	Yến	04/06/1999	Ninh Thuận	Nữ	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	91	84	69	86	83	Bậc 3	B1	
74	1722202010413	Phan Thị Hồng	Yến	19/09/1999	Phú Yên	Nữ	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	76	74	54	56	65	Bậc 3	B1	
75	1722202010415	Trần Thị Hải	Yến	22/06/1999	Bình Dương	Nữ	D17AVKD03	Tiếng Trung Quốc	81	83	65	78	77	Bậc 3	B1	

Tổng danh sách gồm có 75 thí sinh được cấp chứng chỉ./.

Bậc	Số lượng
B2 (90 - 100)	1
B1 (50 - 89)	74

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ
GIÁM ĐỐC

ThS. Nguyễn Văn Hùng

Bình Dương, ngày 09 tháng 3 năm 2021



TS. Nguyễn Quốc Cường